TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 263/2020/DS-PT
Ngày: 15/9/2020
"V/v tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vĩnh;

Các Thẩm phán: Ông Đinh Chí Tâm;

Ông Phạm Ngọc Giao;

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hồng Thanh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bạch Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 09 và 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2019/TLPT-DS, ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 115/2019/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 318/2020/QĐ-PT ngày 06 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV);

Địa chỉ: Tháp BIDV, số 35, Hàng Vôi, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức Tú – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp: Ông Huỳnh Minh H là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 194/BIDV-SĐ-QLRR ngày 04/4/2019).

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1975;

2. Cụ Nguyễn Thị N, sinh năm 1933;

Cùng địa chỉ: số 324D, khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Tăng Kim P, sinh năm 1963;

Địa chỉ: số 465, khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Ông Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1976;

Địa chỉ: số 336/9, , khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Hiện đang chấp hành án tại trại tạm giam Cao Lãnh C10 – Bộ Công an. Địa chỉ: ấp 6, xã Tân Hội Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Người kháng cáo bà Tăng Kim P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

(ông H, bà C, bà P có mặt tại phiên tòa, cụ N vắng mặt tại phiên tòa, ông Q có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)do ông Huỳnh Minh H đại diện trình bày:

Vào ngày 28/02/2011, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (viết tắt là Ngân hàng) và bà Nguyễn Thị Kim C, bà Nguyễn Thị N có ký kết hợp đồng tín dụng số NA 106.11/HĐTD, theo đó Ngân hàng cho bà C, cụ N vay số tiền 500.000.000 đồng và để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng trên thì bà Nguyễn Thị Kim Cđã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 0106.11/HĐTC ngày 28/02/2011 với Ngân hàng thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất thửa đất số 55, tờ bản đồ số 99, diện tích 90m^2 do bà Nguyễn Thị Kim Cđứng tên quyền sử dụng đất và bà Tăng Kim P đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 0106.11/HĐTC ngày 28/02/2011 cho Ngân hàng thửa đất số 50, tờ bản đồ số 99, diện tích 102,5m^2, thửa đất số 52, tờ bản đồ số 99 diện tích 90m^2 do bà Tăng Kim P đứng tên, đất tọa lạc tại ấp Tân Lộc, xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi vay tiền thì bà C, cụ N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà C, cụ N thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng vốn, lãi đến ngày 27/11/2019 là 1.389.635.367 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số NA 106.11/HĐTD cho đến khi trả hết nợ. Yêu cầu công nhận các hợp đồng thế chấp trên của bà C và bà P đã ký với Ngân hàng. Trường hợp bà C, cụ Nkhông thực hiện hay thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng bán tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C trình bày:

Bà không vay tiền Ngân hàng, không sử dụng 500.000.000 đồng tiền vay của Ngân hàng như ông H trình bày. Các hợp đồng vay và hợp đồng thế chấp là do ông Nguyễn Hữu Q làm sẵn, bà C nghe theo lời của bà Tăng Kim P ký tên vào các hợp đồng trên, bà C có nhận 500.000.000 đồng từ nhân viên Ngân hàng và mang về giao cho bà P, sau đó bà P giao hết cho ông Nguyễn Hữu Q. Hợp

đồng thế chấp số 0106.11/HĐTC ngày 28/02/2011 thế chấp thửa đất số 55, tờ bản đồ số 99, diện tích 90m^2 do bà C đứng tên đất tọa lạc tại ấp Tân Lộc, xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp thực tế đất này của bà P bà C chỉ đứng tên giùm, bà C không biết có ký vào hợp đồng thế chấp nói trên hay không, lúc đến Ngân hàng ký nhiều chữ ký nên không nhớ. Nay bà C, cụ N không đồng ý trả nợ và xử lý hợp đồng thế chấp theo yêu cầu của Ngân hàng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tăng Kim P trình bày:

Do quen biết với ông Nguyễn Hữu Q nên bà P gửi cho ông Q 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 55, tờ bản đồ số 99, diện tích 90m^2 do bà Nguyễn Thị Kim Cđứng tên quyền sử dụng đất; thửa số 50, tờ bản đồ số 99, diện tích 102,5m^2; thửa số 52, tờ bản đồ số 99 diện tích 90m^2 do bà Tăng Kim P đứng tên, các thửa đất tọa lạc tại ấp Tân Lộc, xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp để ông Q làm thủ tục vay 500.000.000 đồng của Ngân hàng phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long (Nay là Ngân hàng TMCP đầu tư và Phát triển Việt Nam). Khi ông Q làm xong hồ sơ thủ tục thì bà P kêu bà Nguyễn Thị Kim Cđến Ngân hàng ký hồ sơ và nhận số tiền vay 500.000.000 đồng về giao lại cho ông Q. Khi ông Q bị cơ quan Công an bắt về tội "Lừa đảo, chiếm đoạt tài sản", tại Công an tỉnh Đồng Tháp ông Q đã thừa nhận có lừa bà P vay tiền Ngân hàng đưa cho ông Q vay lại. Bà P không có ký tên hợp đồng vay, cũng không có ký tên thế chấp tài sản cho Ngân hàng, do ông Q làm giả mạo chữ ký bà P, bà P không có sử dụng 500.000.000 đồng vay từ Ngân hàng. Nay bà P không đồng ý yêu cầu của Ngân hàng.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu Q có văn bản ý kiến trình bày:

Vào năm 2011, ông Q là Giám đốc Ngân hàng phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long - Chi nhánh Lấp Vò, (nay là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Phòng giao dịch Lấp Vò), có đại diện Ngân hàng ký hợp đồng tín dụng số NA 106.11/HĐTD, Ngân hàng cho bà Nguyễn Thị Kim Cvà cụ Nguyễn Thị Nĩa vay số tiền 500.000.000 đồng. Để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng trên thì bà Nguyễn Thị Kim Cđã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0106.11/HĐTC ngày 28/02/2011 thửa số 55, tờ bản đồ số 99, diện tích 90m^2 do bà Nguyễn Thị Kim Cđứng tên; bà Tăng Kim P đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 0106.11/HĐTC ngày 28/02/2011 thửa số 50, tờ bản đồ số 99, diện tích 102,5m^2, thửa số 52, tờ bản đồ số 99 diện tích 90m^2 do bà Tăng Kim P đứng tên, đất tọa lạc tại ấp Tân Lộc, xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi ký kết hợp đồng bà C là người trực tiếp nhận 500.000.000 đồng từ Ngân hàng. Ông Q không có nhận 500.000.000 đồng của bà C vay từ Ngân hàng như bà C, bà P trình bày. Việc bà C vay tiền Ngân hàng về có giao cho bà P không thì ông Q không biết. Trước đây ông Q có vay tiền cá nhân của bà P khoảng 3,2 tỷ đồng. Khi ông Q bị bắt giam, làm việc với Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp có mặt bà P thì ông Q thừa nhận còn nợ bà P 1,8 tỷ đồng. Bản án Hình sự sơ thẩm số 21 ngày 25 tháng 4 năm 2013, xét xử buộc ông Q trả cho bà

P 1,8 tỷ đồng, đồng thời cũng xác định số tiền ông Q nợ bà P không liên quan đến số tiền vay của bà C nói trên.

Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Đầu Tư và phát triển Việt Nam.

- Buộc bà Nguyễn Thị Kim Cvà bà Nguyễn Thị N cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Đầu Tư và phát triển Việt Nam số tiền vốn, lãi tạm tính đến ngày 27/11/2019 là 1.389.635.367 đồng và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng.

- Công nhận hợp đồng thế chấp số 106.11/HĐTC ngày 28/02/2011 của bà Tăng Kim P với Ngân hàng và hợp đồng thế chấp số 0106.11/HĐTC ngày 28/02/2011 của Ngân hàng với bà Nguyễn Thị Kim C. Trường hợp bà C, cụ N không thực hiện hay thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý hợp đồng thế chấp nói trên.

- Về án phí sơ thẩm dân sự:

Bà Nguyễn Thị Kim Cvà bà Nguyễn Thị N cùng có nghĩa vụ nộp số tiền 53.689.000 đồng (Năm mươi ba triệu, sáu trăm tám mươi chín ngàn đồng).

Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam được nhận lại 2.656.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp ngày 10/4/2012 theo biên lai số 006422 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự, quyền và nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, thời hiệu thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17 tháng 12 năm 2019, bà Tăng Kim P kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 115/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, không đồng ý với Quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn: Ngân hàng (đại diện là ông Hiếu), rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu cụ N trả nợ vay, không yêu cầu xem xét hợp đồng thế chấp số 106.11/HĐTC ngày 28/02/2011, hợp đồng thế chấp số 0106.11/HĐTC ngày 28/02/2011 đối với các thửa đất số 55, 50, 52 do bà C, bà P đứng tên quyền sử dụng đất.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim Cđồng ý với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tăng Kim P: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hợp đồng tín dụng số NA 106.11/HĐTD ngày 28/02/2011 là vô hiệu. Cũng đồng ý với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim Cnộp qua đường bưu điện đã quá thời hạn 05 ngày (theo dấu của bưu điện), Tòa án đã ra thông báo số 125/TB-TA ngày 25 tháng 12 năm 2019 yêu cầu bà C cung cấp bản tường trình nêu lý do của việc kháng cáo quá hạn và các chứng cứ, chứng minh cho việc kháng cáo quá hạn, nhưng bà C không cung cấp cho Tòa án. Vì vậy, Hội đồng xét xử, không xem xét việc kháng cáo của bà C. Đơn kháng cáo của bà Tăng Kim P đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mặc dù bản án sơ thẩm không thể hiện việc bà P có mặt hay vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, bà P trình bày là không có tham gia phiên tòa sơ thẩm, điều này cũng được thể hiện trong bút ký phiên tòa. Việc cụ N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai và ông Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo của bà Tăng Kim P yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hợp đồng tín dụng số NA 106.11/HĐTD ngày 28/02/2011 là vô hiệu. Hội đồng xét xử nhận thấy, hợp đồng tín dụng này được ký kết trên cơ sở tự nguyện giữa Ngân hàng và bà C, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Đối với nghĩa vụ trả nợ vay bà C cũng thừa nhận đã nhận số tiền vay từ Ngân hàng, sau khi nhận tiền đến nay bà C không trả nợ. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà C trả nợ vay và tiền lãi cho ngân hàng là phù hợp, không buộc bà P trả tiền vốn vay và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng, mà chỉ công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba của bà P để trong trường hợp bà C, cụ N không trả đủ tiền, Ngân hàng được xử lý tài sản thế chấp của bà P thu hồi nợ. Mặt khác, bà P thế chấp tài sản để đảm bảo theo hợp đồng số 106.11/HĐTC ngày 28/02/2011 của bà Tăng Kim P đối với thửa đất số 50, 52 tờ bản đồ số 99 diện tích 201,5m^2 tại xã Tân Thành, huyện Lai Vung do bà P đứng tên để đảm bảo khoản tiền vay của bà C thì nghĩa vụ của bà P chỉ phát sinh trong trường hợp bà C không trả hết nợ. Cho nên bà P kháng cáo yêu cầu tuyên bố hợp đồng tín dụng số NA 106.11/HĐTD ngày 28/02/2011 vô hiệu là không có cơ sở nên không chấp nhận.

Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu của Ngân hàng tại cấp phúc thẩm theo đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 24/8/2020 và tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng ông Huỳnh Minh Hiếu vẫn giữ nguyên việc rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng thế chấp số 106.11/HĐTC ngày 28/02/2011 của bà Tăng Kim P với Ngân hàng và hợp đồng thế chấp số 106.11/HĐTC ngày 28/02/2011 của bà Nguyễn Thị Kim Cvới Ngân hàng. Không yêu cầu cụ N có trách nhiệm liên đới cùng bà C trả tiền vay theo hợp đồng tín dụng số NA 106.11/HĐTD ngày 28/02/2011. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện và được bị đơn bà C, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà P đồng ý. Đối với bà Nguyễn Thị Nĩa suốt quá trình giải quyết vụ án từ cấp sơ thẩm đến phúc thẩm

đều không tham gia và không có văn bản nêu ý kiến hay yêu cầu gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử hủy, đình chỉ giải quyết phần rút yêu cầu khởi kiện này.

Việc bà C cho rằng sau khi nhận tiền từ ngân hàng bà C đã giao cho bà P. Đây là giao dịch giữa bà C và bà P, hiện nay bà C cũng không yêu cầu gì đối với bà P trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này bà C có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà P trình bày Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập bà và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà tham gia phiên tòa sơ thẩm, qua kiểm tra hồ sơ nhận thấy cấp sơ thẩm đã tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ cho bà và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà (bút lục 255, 274) nhưng bà và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà không đến tham gia phiên tòa nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nên không có căn cứ để xem xét ý kiến này.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà P, hủy đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu cụ N trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng số NA 106.11/HĐTD ngày 28/02/2011 và yêu cầu công nhận hợp đồng số 106.11/HĐTC ngày 28/02/2011 của bà Tăng Kim P với Ngân hàng và hợp đồng thế chấp số 106.11/HĐTC ngày 28/02/2011 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với bà Nguyễn Thị Kim C. Giữ nội nguyên dung bà C có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vốn, lãi tính đến ngày 27/11/2019 là 1.389.635.367 đồng và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng số NA.106.11/HĐTD cho đến khi trả xong nợ. Xét thấy, đề nghị của Viện Kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Tăng Kim P, chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, hủy đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện, sửa một phần bản án sơ thẩm số 115/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do sửa bản án sơ thẩm nên bà P không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 2 khoản 4 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Tăng Kim P.

2. Hủy, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam đối với hợp đồng thế chấp số 106.11/HĐTC ngày 28/02/2011 của bà Tăng Kim P với Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam đối với thửa đất số 50, diện tích 102,5m^2; thửa đất số 52 diện tích 90m^2; hợp đồng thế chấp số 106.11/HĐTC ngày 28/02/2011 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với Bà Nguyễn Thị Kim Cđối với thửa đất số 55, diện tích 90m^2; và yêu cầu cụ Nguyễn Thị N trả tiền vay theo hợp đồng tín dụng số NA 106.11/HĐTD ngày 28/02/2011.

3. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 115/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

- Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

- Buộc Bà Nguyễn Thị Kim Ctrả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền vốn, lãi tính đến ngày 27/11/2019 là 1.389.635.367 đồng và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng số NA.106.11/HĐTD cho đến khi trả xong nợ.

- Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Kim Cphải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 53.689.000 đồng (Năm mươi ba triệu, sáu trăm tám mươi chín ngàn đồng).

Trả lại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam 2.656.500 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp ngày 10/4/2012 theo biên lai số 006422 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

Trả lại cho bà Tăng Kim P tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, theo biên lai số 0009092, ngày 30/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh ĐT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- TAND H. Lấp Vò;
- CCTHADS H. Lấp Vò ;
- Phòng GĐKTNV và THA;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (T)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vĩnh